

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18A/2022/DS-ST

Ngày 15 - 9 - 2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Minh, Ông Nguyễn Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Niêm – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự số 112/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Thành N, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 30A tổ dân phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1991 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2022, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải nguyên đơn ông Phan Thành N, trình bày: Trong thời gian chị Nguyễn Thị Bích N còn làm nhân viên thu cước viễn thông và có thu được số tiền 168.000.000 đồng, đến ngày thanh toán tiền thì chị N không có tiền nộp cho Phòng bán hàng

VNPT huyện Krông B nên vào ngày 28/12/2021 chị N có vay của tôi số tiền và có làm giấy vay tiền với tôi, thời hạn trả là 06 tháng tính từ ngày vay, không tính lãi suất. Vào ngày 30/12/2021 chị N đã trả được số tiền 15.000.000 đồng. Đến nay số tiền còn lại là 153.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi ba triệu đồng*). Từ đó đến nay chị N không trả cho tôi thêm được đồng nào. Tôi có gọi điện thoại thì chị N không bắt máy, hiện tại nhà cửa thì bán hết và chị N không còn làm ăn sinh sống tại địa phương nữa, tôi được biết hiện tại chị N đang làm trên phố nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Tôi cho rằng chị N cố tình lợi dụng lòng tin của tôi, lừa dối và chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên.

Nay tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Bích N có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ là 153.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi ba triệu đồng*).

Bị đơn tại bản tự khai ngày 22/8/2022 và tại các biên bản hòa giải chị Nguyễn Thị Bích N, đều trình bày: Đúng như lời ông Phan Thành N trình bày, trước đây tôi có làm nhân viên thu cước viễn thông Công ty VNPT chi nhánh huyện Krông B, trong năm 2021 tôi có thu cước được số tiền 168.000.000 đồng, đến ngày thanh toán tiền thì tôi không có tiền nộp cho Phòng bán hàng VNPT huyện Krông B nên vào ngày 28/12/2021 tôi có vay của ông Phan Thành N số tiền 168.000.000 đồng và thời hạn trả là 06 tháng tính từ ngày vay, không tính lãi suất. Từ khi vay đến nay tôi đã trả được cho ông N 15.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 153.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi ba triệu đồng*).

Nay ông Phan Thành N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, tôi có nguyện vọng sẽ được trả nợ cho ông N là mỗi năm trả 8.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ (cuối năm 2022 trả số tiền 4.000.000 đồng, giữa năm 2023 trả 4.000.000 đồng, cuối năm 2023 trả 4.000.000 đồng và trả dần theo năm như vậy). Còn ông N yêu cầu trả số tiền một lần như vậy thì tôi không đủ điều kiện để trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N yêu cầu chị N có trách nhiệm trả khoản nợ 153.000.000 đồng và phải trả trước số tiền 53.000.000 đồng để tôi thanh toán cho Công ty, số tiền còn lại thì tôi sẽ thỏa thuận với chị N chia ra trả trong vòng 03 năm. Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa ông N và chị N nhưng hòa giải không thành.

Tài liệu chứng cứ trong vụ án: Ông N cung cấp 01 Giấy vay tiền ngày 28/12/2021 có chữ ký và chữ viết của bị đơn chị Nguyễn Thị Bích N. Chị N

không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Chị N chấp nhận trong giấy vay tiền là có chữ ký của chị là bên vay.

Tại phiên tòa: Ông Phan Thành N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu HĐXX xem xét buộc chị Nguyễn Thị Bích N có trách nhiệm trả cho ông N số tiền nợ 153.000.000 đồng. Về lãi suất, ông N không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Bích N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán: Đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tuân thủ đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 463, Điều 466 BLDS năm 2015. Áp dụng vào Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 147 BLTTDS 2015. Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Thành N. Buộc chị Nguyễn Thị Bích N phải trả cho ông Phan Thành N số tiền vay 153.000.000đ (*Một trăm năm mươi ba triệu đồng*).

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Phan Thành N và chị Nguyễn Thị Bích N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a,

khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về nội dung:* Tại bản tự khai và quá trình tranh tụng tại phiên tòa ngày hôm nay thấy rằng: Vào ngày 28/12/2021 chị Nguyễn Thị Bích N có vay của ông N số tiền là 168.000.000 đồng, hai bên có làm giấy tờ viết tay và cam kết sẽ trả nợ trong vòng 06 tháng sau kể từ ngày vay, đến ngày 30/12/2021 chị N đã trả được số tiền 15.000.000 đồng. Số tiền nợ còn lại là 153.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, cung cấp được giấy mượn tiền ngày 28/12/2021 với số tiền nợ gốc là 168.000.000đ và được chị N thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền là của chị N tự viết và ký trong đó. Như vậy, việc chị N có ký vào giấy mượn tiền là đúng sự thật, đây là giao dịch dân sự phù hợp với quy định của pháp luật, chị N phải chịu trách nhiệm với giao dịch của mình. Ông N cũng thừa nhận chị N đã trả được số tiền 15.000.000 đồng, số tiền còn lại là 153.000.000 đồng. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thành N về số nợ là hoàn toàn có căn cứ nên cần được chấp nhận. Buộc chị Nguyễn Thị Bích N phải có trách nhiệm trả cho ông Phan Thành N số tiền nợ còn lại là 153.000.000 đồng.

Về lãi suất: ông Phan Thành N không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[3] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của ông N được chấp nhận nên buộc chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là $(153.000.000đ \times 5\%) = 7.650.000$ đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông N là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; 220; 266; 271; 273; 278; 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463; 466; 470 Bộ luật dân sự.

- Khoản khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thành N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Nguyễn Thị Bích N phải có trách nhiệm trả cho ông Phan Thành N tổng số tiền nợ còn lại là 153.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.650.000 đồng (*Bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*). Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

Trả lại cho ông Phan Thành N số tiền 3.825.000 đồng (*Ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0013190 ngày 12/7/2022.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H Krông Bông;
- THADS H Krông Bông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Việt Hưng